TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HS-ST
Ngày 22 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Bà Nguyễn Thị Nga

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2018/HSST-QĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn S, sinh năm: 1974 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 19, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; tình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Lê Văn A (đã chết) và bà Đinh Thị T1; có vợ là Đào Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 546/HS2 ngày 24 tháng 11 năm 1998 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 1998 về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản bị trộm cắp là 1.000.000 đồng), đã được xóa án tích; hiện nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21 tháng 6 năm 2018; vắng mặt.

2. Lê Hồng T, sinh năm: 1982 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 19, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng Th và bà Lê Thị H; có vợ là Phạm Thị H1 và có 02 con;

tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Cù Văn D, sinh năm: 1968 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 18, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cù Văn L và bà Lê Thị L1; có vợ là Bùi Thị H2 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lê Văn H4, sinh năm: 1980 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 18, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình S và Nguyễn Thị C; có vợ là Lê Thị H5 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Cù Văn T2, sinh năm: 1970 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 18, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 06/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cù Văn L và bà Lê Thị L1; có vợ là Lê Thị T3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Lê Văn H5, sinh năm: 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 1, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ng và bà Lê Thị Ch; có vợ là Nguyễn Thị TT và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Nguyễn Văn H6, sinh năm: 1989 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 18, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Vũ Thị I; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Lê Văn H7, sinh năm: 1984 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 18, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa

(học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H8 và bà Lê Thị K; có vợ là Cù Thị A và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 02 tháng 02 năm 2018, sau khi ăn cưới tại nhà ông Lê Văn C ở Thôn 18, xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng, Lê Văn H4, Lê Hồng T, Lê Văn S rủ nhau góp tiền mỗi người 1.000.000 đồng được 3.000.000 đồng, S là người cầm tiền để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa với những người tham dự đám cưới. H4, T, S sang nhà ông Lê Đức Nh để tìm địa điểm chơi. Khi sang nhà ông Nh thì thấy ông Nh đang ngủ trong nhà nên S tự ý lấy chiếu ở hiên, H4 cắt quân vị từ bài tú lơ khơ, T lấy bát, đĩa ở trên giá bát của ông Nh rồi mang ra góc sân nhà ông Nh để đánh bạc. Hình thức chơi là xóc đĩa ăn tiền, cụ thể: Người đánh bạc có thể đánh vào cửa chẵn hoặc lẻ tùy theo từng ván đánh, tỉ lệ được thua là 1/1. Khi người xóc cái mở bát nếu trong 04 quân vị có 01 quân xanh, 03 trắng hoặc 01 trắng 03 xanh là lẻ; nếu 02 quân trắng, 02 quân xanh hoặc 04 quân đều xanh hoặc trắng thì là chẵn. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, Cù Văn D đi sang nhà ông Nh thì thấy H4 đang xóc cái, T và S giam tiền, có một số người tham gia đánh bạc. D gặp S hỏi hình thức đánh bạc. Sau khi được S nói về cách thức đánh bạc D đặt vấn đề góp tẩy 1.000.000 đồng để đánh bạc cùng. S đồng ý và nhận của D 1.000.000 đồng rồi D thay H4 xóc cái, còn H4, S giam tiền. D xóc cái được một lúc thì số tiền góp trước đó bị thua hết nên S, T, H4, D góp thêm mỗi người 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. T vào thay D xóc cái để D, S giam tiền. Quá trình đánh bạc có Nguyễn Văn H6, Cù Văn T2, Lê Văn H4, Lê Văn H7 và một số người khác không rõ nhân thân tham gia đánh bạc nhiều lần. Trong đó, H6 mang theo 300.000 đồng đánh 02 ván, ván đầu đánh 200.000 đồng, ván thứ hai đánh 100.000 đồng đều bị thua; Cù Văn T2 mang theo 2.900.000 đồng, dùng 500.000 đồng vào mục đích đánh bạc, T2 đánh 05 ván, mỗi ván 50.000 đồng đều bị thua; Lê Văn H5 mang theo 1.000.000 đồng đánh 02 ván, ván đầu 1.000.000 đồng, ván thứ hai đánh 2.000.000 đồng đều thắng; Lê Văn H7 mang theo 300.000 đồng đánh 2 đến 3 ván từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng và đều bị thua. Đến khoảng 11 giờ 30 phút thì đám bạc bị Công an bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 12.400.000 đồng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếu nhựa. Thu trên người của Cù Văn D số tiền 600.000 đồng; thu của Cù Văn T2 số tiền 2.650.000 đồng. Cùng ngày 02 tháng 02 năm 2018 Lê

Văn H4, Lê Văn H5 và Lê Hồng T đến Cơ quan Công an đầu thú. Ngày 05 tháng 02 năm 2018, Lê Văn H7 tới Cơ quan Công an đầu thú. Ngày 21 tháng 6 năm 2018, Lê Văn S đến Cơ quan Công an đầu thú. Lê Văn H5 tự nguyện nộp số tiền 4.000.000 đồng là tiền dùng vào mục đích đánh bạc và thắng bạc. Quá trình điều tra xác định, D bị thu 600.000 đồng là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc; T2 bị thu 2.650.000 đồng trong đó có 250.000 đồng là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc; H5 giao nộp 4.000.000 đồng là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Cáo trạng số 95/CT-VKSTN ngày 05 tháng 9 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Lê Văn S, Lê Hồng T, Cù Văn D, Lê Văn H4, Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7 phạm tội "Đánh bạc", vi phạm Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn S, Lê Hồng T, Cù Văn D, Lê Văn H4, Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7 phạm tội "Đánh bạc". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Lê Văn S từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; Lê Hồng T, Lê Văn H4, Cù Văn D mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ đều về tội "Đánh bạc" và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám giáo dục. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo khác. Về vật chứng, tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếu nhựa; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội.

- Ý kiến của các bị cáo Lê Văn S, Lê Hồng T, Cù Văn D, Lê Văn H4, Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7: Thống nhất khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo và đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện cơ bản đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn S đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt do hiện nay vẫn đang phải điều trị bệnh. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[3] Những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bởi: Lời khai của người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa nên có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Lê Văn S, Lê Hồng T, Cù Văn D, Lê Văn H4, Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7 có hành vi chơi xóc đĩa được thu bằng tiền và số tiền dùng vào đánh bạc là 17.250.000 đồng. Với hành vi nêu trên, theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ Luật hình sự các bị cáo Lê Văn S, Lê Hồng T, Cù Văn D, Lê Văn H4, Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7 đã phạm tội "Đánh bạc". Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần thiết phải có hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp thu ý chí của nhau và cùng thực hành tích cực. Phân hóa vai trò những người đồng phạm, xét thấy bị cáo Lê Văn S, Lê Hồng T, Cù Văn D, Lê Văn H4 là người đề xuất, thực hành tích cực nên có vị trí cao hơn so với các đồng phạm khác, các bị cáo Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7 là người thực hành tích cực. Vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, lời luận tội và đề nghị kết tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc xử lý, xét thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngoài bị cáo Nguyễn Văn S thì các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn H4, Lê Văn H5, Lê Hồng T, Lê Văn H7 sau khi phạm tội đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng; đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát và giáo dục là đủ để răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện sự khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo và người lần đầu phạm tội, đã hối cải phù hợp với quy định tại Điều 3 về Nguyên tắc xử lý và Điều 31 về Mục đích của hình phạt của Bộ luật Hình sự. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Bị cáo bị tạm giữ thì thời gian tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321, Điều 36 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc bị khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy, các bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập ổn định hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] Trong vụ án này, quá trình điều tra xác định ông Lê Đức Nh không biết và không liên quan đến việc đánh bạc của các đối tượng nên Cơ quan công an không xử lý. Một số đối tượng khác tham gia đánh bạc nhưng không xác định được nhân thân, lý lịch nên không có cơ sở để điều tra.

[7] Về xử lý vật chứng: Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Biên lai thu tiền ngày 18 tháng 6 năm 2018 thể hiện các vật chứng cần xử lý gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếu nhựa là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền 17.250.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn S (24) hai mươi tư tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ

ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cù Văn D (18) mười tám tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ đi thời gian đã tạm giữ quy đổi thành (18) mười tám ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành (17) mười bảy tháng (12) mười hai ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Hồng T (18) mười tám tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ đi thời gian đã tạm giữ quy đổi thành (18) mười tám ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành (17) mười bảy tháng (12) mười hai ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H4 (18) mười tám tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ đi thời gian đã tạm giữ quy đổi thành (18) mười tám ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành (17) mười bảy tháng (12) mười hai ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Cù Văn T2 (15) mười lăm tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ đi thời gian đã tạm giữ quy đổi thành (18) mười tám ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành (14) mười bốn tháng (12) mười hai ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 (15) mười lăm tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ đi thời gian đã tạm giữ quy đổi thành (18) mười tám ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành (14) mười bốn tháng (12) mười hai ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H5 (15) mười lăm tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ đi thời gian đã tạm giữ quy đổi thành (18) mười tám ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành (14) mười bốn tháng (12) mười hai ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H7 (15) mười lăm tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ đi thời gian đã tạm giữ quy đổi thành (18) mười tám ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành (14) mười bốn tháng (12) mười hai ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã KL, huyện NT, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Biên lai thu tiền ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, như sau: Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếu nhữa; tịch thu sung quỹ Nhà nước 17.250.000 đồng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Lê Văn S, Lê Hồng T, Cù Văn D, Lê Văn H4, Cù Văn T2, Lê Văn H5, Nguyễn Văn H6, Lê Văn H7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CQ ĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- CQTHS hình sự;
- Trại tạm giam CA TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn